TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/DS-ST
Ngày: 04/11/2019
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thanh Sáng

2. Ông Hà Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc T- Sinh năm: 1965; địa chỉ: khu phố N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L - Sinh năm: 1980; địa chỉ: hú P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà T có mặt, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Ngọc T trình bày:

Vào ngày 01/01/2016, bà Lê Thị Mỹ L có vay của bà Tsố tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền có công chứng vào ngày 12/4/2016. Hết thời hạn 06 tháng, bà L vẫn không trả tiền gốc cho bà. Đến ngày 21/5/2018, bà L có làm giấy nợ hẹn đến ngày 10/8/2018, bà sẽ trả toàn bộ số tiền là 150.000.000đồng và tiền lãi còn nợ là 30.000.000đồng. Tuy nhiên, đến ngày 10/8/2018, bà L vẫn không trả được cho bà số tiền gốc và tiền lãi 30.000.000đồng như đã hứa.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà số tiền còn nợ là 150.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 30.000.000đồng. Tuy nhiên, nay bà chỉ yêu cầu bà L trả tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà rút yêu cầu đối với số tiền lãi 30.000.000đồng, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất cho phép theo quy định pháp luật từ ngày 03/4/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án đối với số tiền gốc như trên. Bà không yêu cầu tính lãi đối với thời gian vay trước đây.

Bà Lê Thị Mỹ L đã được Tòa án tống đạt hợp L Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do và không có ý kiến gì đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn còn vi phạm không chấp hành nghĩa vụ có mặt theo giấy mời của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp L Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng cứ mà bà cung cấp là hợp đồng vay tiền ngày 12/4/2016, giấy cam kết ngày 21/5/2018. Xét thấy:

3.1. Về nợ gốc: Hợp đồng vay tiền ngày 12/4/2016 được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện Chợ Lách nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Hợp đồng vay thể hiện rõ nội dung là bà L có vay của bà Tsố tiền là 150.000.000đồng, thời hạn vay là 6 tháng. Hết thời hạn vay, bà L không trả được tiền cho bà Tnên tiếp tục viết giấy cam kết ngày 21/5/2018 với nội dung hẹn đến ngày 10/8/2018 sẽ trả tất cho bà Tsố tiền 150.000.000đồng, giấy cam kết này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre giám định là đúng chữ ký của bà L. Do bà L không trả tiền cho bà Tnên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết, kết quả Cơ quan cảnh sát điều tra ra

quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không có sự việc phạm tội mà chỉ là quan hệ dân sự. Tại các biên bản việc với cơ quan điều tra bà L đều thừa nhận có vay của bà Tsố tiền 150.000.000đồng và chưa trả tiền cho bà Thắm. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bà L có vay của bà Tsố tiền 150.000.000đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, bà Tyêu cầu bà L trả số nợ gốc là 150.000.000đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Về lãi suất: Tại giấy cam kết ngày 21/5/2018, bà L có ghi nhận lãi suất vay 2%/tháng, là phù hợp với lời trình bày của bà Thắm. Tuy nhiên, mức lãi 2%/tháng đã vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật (20%/năm của khoản tiền vay) nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Hiện nay, bà T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể là 150.000.000đồng x (20% : 12 tháng) x 07 tháng = 17.500.000đồng.

Bà T không có yêu cầu về số tiền lãi mà bà L còn nợ từ ngày vay tiền đến ngày 03/4/2019 và rút lại yêu cầu đối với số tiền lãi 30.000.000đồng mà bà L còn nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Bà L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ trả theo quy định Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu chi phí giám định chữ ký và đã nộp xong.

[6] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Ngọc T đối với bà Lê Thị Mỹ L về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

Buộc bà Lê Thị Mỹ L phải trả cho bà Đặng Ngọc T số tiền là 167.500.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, gồm 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nợ gốc và 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Đặng Ngọc T đối với bà Lê Thị Mỹ L về việc yêu cầu trả số tiền lãi 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí sơ thẩm là 8.375.000đồng.

- Hoàn trả cho bà Đặng Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0000706 ngày 02/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT- TA tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh